

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31-10-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm: 1976, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 24, ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN;

**- Bị đơn:** Anh Đào Văn Ch, sinh năm: 1971, (vắng mặt),

Địa chỉ: Tổ 24, ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-9-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Đào Văn Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tình cảm, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Ngày gia đình hai bên giáp mặt bên chồng có cho 01 đôi bông tai, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Lúc đầu vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, năm 2005 vợ chồng mua đất cất nhà ở riêng. Thời gian chung sống đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân luôn đến nay. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau cũng không bàn việc ở lại. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh Ch.

*Về con chung:* Có 01 con tên Đào Nhật Đ, sinh ngày 09-10-1995 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung:* Có 01 căn nhà và đất chị đang quản lý, vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 03-10-2019 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công việc.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-10-2019 bị đơn anh Đào Văn Ch trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có tìm hiểu trước, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Ngày gia đình hai bên giáp mặt bên anh có cho 01 đôi bông tai, nhưng vợ chồng đã bán chi phí hết. Lúc đầu vợ chồng sống chung nhà cha mẹ anh, năm 2005 vợ chồng mua đất cất nhà ở riêng. Thời gian chung sống đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân luôn đến nay. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau cũng không bàn việc ở lại. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Đào Nhật Đ, sinh ngày 09-10-1995 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên anh không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản chung:* Có nhà đất, anh không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 03-10-2019 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận công việc. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị Th và anh Ch có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công việc, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa chị Th với anh Ch là vợ chồng; về con chung: Có 01 con tên Đào Nhật Đ, sinh ngày 09-10-1995, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết; về tài sản chung: chị Th, anh Ch khai có nhà đất, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, chị Th và anh Ch có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận đi làm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Th, anh Ch tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình,

nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị Th xin ly hôn, anh Ch đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của anh chị chỉ căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Th và anh Ch là vợ chồng là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Th, anh Ch khai có 01 con chung tên Đào Nhật Đ, sinh ngày 09-10-1995, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết;

[4] *Về tài sản chung*: Chị Th anh Ch khai có nhà đất, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết;

[5] *Về nợ chung*: Chị Th, anh Ch khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị Th phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Tuyên bố*: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Th và anh Đào Văn Ch là vợ chồng .

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Đào Nhật Đ, sinh ngày 09-10-1995, hiện đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết;

3. *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết;

4. *Về nợ chung*: Anh, chị khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị Th chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Th đã nộp theo Biên lai thu số 0009710 ngày 01-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Ninh**

**Nguyễn Thị Thiều**

**Nguyễn Thị An**







**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thản**

**Trần Thị Đào**

**Nguyễn Thị An**









